TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2022
V/v tranh chấp "*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Vân
2. Ông Võ Lâm Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp*"Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đ T P, sinh năm 1992; địa chỉ: số 402, tổ 05 ấp BT 2, xã HA, huyện CM, tỉnh AG(có mặt);

Bị đơn: Bà N T T N, sinh năm 2000; địa chỉ: số 626 tổ 16 ấp AB, xã HB, huyện CM, tỉnh AG(có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đ T P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đ T P và bà N T T N đi đến hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện CM, tỉnh AG năm. Quá trình chung sống 04 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không

hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05/2021 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông Đ T P yêu cầu được ly hôn với bà N T T N.

Về con chung: không có

Về tài sản chung gồm có: Cha mẹ cho 15 chỉ vàng 24K (loại 9999) trong ngày cưới. Sau đó, vợ chồng thống nhất bán 05 chỉ vàng cưới 24K (9999) đổi lại thành 01 bộ vòng xi men vàng 18K (đổi từ 05 chỉ vàng 24K thành số lượng vàng 18K, trọng lượng vàng 18K bao nhiêu không nhớ, do đổi toàn bộ 05 chỉ 24K thành 18K) cho bà N làm trang sức đeo, số vàng cưới bà N quản lý toàn bộ, ông P yêu cầu bà N chia tài sản cho ông P 07 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, sau đó ông P thống nhất vợ chồng đổi 05 chỉ vàng 24K (9999) thành bộ vòng xi men 18K và thống nhất cho bà N bán vàng 18 kara để điều trị bệnh. Nên, tài sản chung còn lại của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K (loại 9999). Vì vậy, ông P yêu cầu bà N chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K (loại 9999), bà N có trách nhiệm hoàn lại ông P là 05 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Về nợ chung: không có

Bị đơn bà N T T N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N T T N thống nhất với lời trình bày của ông Đ T P về điều kiện, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, bà N đồng ý ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: không có

Về tài sản chung gồm có: 15 chỉ vàng cưới 24K (9999), sau đó, vợ chồng lấy 05 chỉ vàng cưới 24K (loại 9999) đến tiệm vàng đổi lại thành 01 bộ vòng xi men vàng 18K (đổi từ 05 chỉ vàng 24K thành số lượng vàng 18K, trọng lượng vàng 18K bao nhiêu không nhớ) số vàng cưới bà N quản lý toàn bộ. Tuy nhiên, trong quá trình vợ chồng không còn sống chung bà N bị bệnh, nên bà N bán vàng để điều trị bệnh và tiêu xài cá nhân hết tài sản chung. Vì vậy, bà N không đồng ý chia tài sản chung cho ông P.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Đ T P vẫn giữ quan điểm ly hôn và xác định tài sản chung còn lại của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K và yêu cầu bà N chia đôi tài sản chung, ông P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản là 02 chỉ vàng 24K(9999) đối với bà N T T N.

Bị đơn bà N T T N vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ T P và bà N T T N kết hôn vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang, quá trình sống chung vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, ông P và bà N thống nhất thuận tình ly hôn. Nên chấp nhận cho ông Đ T P và bà N T T N thuận tình ly hôn.

Về tài sản chung: Khi cưới, cha mẹ ông P có cho vợ chồng gồm có15 chỉ vàng cưới 24K (loại 9999) do bà N quản lý, khi ly hôn ông P yêu cầu chia và được nhận 07 chỉ vàng 24K (loại 9999). Tuy nhiên, quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, hòa giải, ông P yêu cầu chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K (9999) và được nhận 05 chỉ vàng 24K (9999). Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 chỉ vàng 24K(9999) nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bà N thống nhất ngày cưới cha mẹ chồng có cho 15 chỉ vàng 24K (loại 9999) và do bà trực tiếp giữ số vàng này. Sau khi cưới, vợ chồng thống nhất bán 05 chỉ vàng 24K (9999) để đổi thành 01 bộ vòng xi men vàng 18K. Còn lại 10 chỉ vàng 24K(9999), trong thời gian ly thân bà N đã bán toàn bộ số vàng này để điều trị bệnh và có gọi điện thoại cho ông P nhưng không được.

Xét thấy, tại phiên tòa vợ chồng thống nhất tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K (9999) được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng được quy định các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình. Toàn bộ tài sản này do bà N trực tiếp giữ nên bà N có trách nhiệm chia tài sản chung của vợ chồng cho ông P.

Bà N cho rằng trong thời gian ly thân, bà đã bán toàn bộ số vàng trên để điều trị bệnh nhưng không được ông P đồng ý và bà không cung cấp các hóa đơn, chứng từ về việc điều trị bệnh nên không có cơ sở xem xét. Phía ông P yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24k (9999) là có cơ sở chấp nhận và buộc bà N có trách nhiệm hoàn lại cho ông P 05 chỉ vàng 24K (loại 9999)

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ T P và bà N T T N thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014; về tài sản chung: Bà N T T N được hưởng 05 chỉ vàng 24K (loại 9999); ông Đ T P được hưởng 05 chỉ vàng 24K (loại 9999). Buộc bà N có trách nhiệm hoàn lại cho ông P là 05 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Về con chung, nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ T P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn, chia tài sản với bà N T T N nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N T T N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ T P và bà N T T N tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân năm 2021, đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn giữa ông P và bà N sống hạnh phúc được 04 tháng thì P sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, hiện tại vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 5/2021 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà N mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và việc thuận tình ly hôn giữa ông P và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đ T P và bà N T T N theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.2] Về con chung: không có

[2.3] Về tài sản chung: Ông P và bà N thống nhất tài sản chung được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới là 15 chỉ vàng cưới 24K (loại 9999). sau đó, vợ chồng thống nhất lấy 05 chỉ vàng cưới 24K (9999) đến tiệm vàng đổi lại thành 01 bộ vòng xi men vàng 18 kara (đổi từ 05 chỉ vàng 24K thành số lượng vàng 18K, trọng lượng vàng 18K bao nhiêu không rõ) số vàng cưới bà N quản lý toàn bộ. Khi ly hôn ông P yêu cầu bà N hoàn lại cho ông P 07 chỉ vàng 24K (9999). Tuy nhiên, sau đó ông P thống nhất cho bà N bán 05 chỉ vàng 24 kara (9999) mà vợ chồng đã đổi thành bộ vòng xi men 18K, để điều trị bệnh theo lời trình bày của bà N. Vì vậy, ông P yêu cầu bà N chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K (loại 9999) và được nhận là 05 chỉ vàng 24K (9999). Đối với, lời trình bày của bà N cho rằng khi vợ chồng không còn sống chung, bà N đã bán toàn bộ số vàng cưới để điều trị bệnh nên không còn tài sản chung để chia. Tuy nhiên, bà N không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc sử dụng tài sản chung để điều trị bệnh. Ngoài ra, việc bà N bán toàn bộ vàng cưới của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mà không có sự đồng ý của ông P. Do đó, lời trình bày của bà N không có cơ sở xem xét.

Xét thấy, tại phiên tòa ông P, bà N thống nhất tài sản chung của vợ chồng là 10 chỉ vàng 24K (9999) được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng được quy định các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và

gia đình. Do đó, ông P yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24K (9999) là có cơ sở chấp nhận và buộc bà N có trách nhiệm hoàn lại cho ông P 05 chỉ vàng 24K (loại 9999) là phù hợp.

Ngày 04/03/2022, ông Đ T P có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là 02 chỉ vàng 24K (loại 9999) đối với bà N T T N, việc rút yêu cầu của ông P là hoàn toàn phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện 02 chỉ vàng 24K (loại 9999) của ông P đối với bà N là có căn cứ.

[2.4] Về nợ chung: không có

[4] Về án phí: Ông Đ T P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông P phải chịu án phí chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24K (loại 9999) giá vàng là 5.526.000 đồng/chỉ x 5 chỉ = 27.630.000 đồng x 5% = 1.381.000 đồng. Như vậy, tổng cộng án phí ông P phải chịu là 1.681.000 đồng, nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng là 1.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009999 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông P còn phải nộp án phí là 506.000 đồng.

Bà N T T N phải chịu án phí chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24 kara x 5% = 1.381.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273; Điều 273, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 55, 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đ T P và bà N T T N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, do Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, cấp ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho bà N T T N và ông Đ T P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: không có

3. Về chia tài sản chung:

Bà N T T N được hưởng 05 (năm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

Ông Đ T P được hưởng 05 (năm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

Bà N T T N có trách nhiệm hoàn lại cho ông Đ T P là 05 (Năm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ T P đối với 02 (hai) chỉ vàng 24K (loại 9999) với bà N T T N.

5. Về án phí:

Ông Đ T P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, và án phí dân sự sơ thẩm là 1.381.000 đồng. Tổng cộng án phí ông P phải chịu là 1.681.000 đồng, nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng là 1.175.000 đồng theo biên lai thu số 0009999 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông P còn phải nộp án phí là 506.000 (Năm trăm lẻ sáu nghìn)đồng.

Bà N T T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.381.000 (Một triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hòa An;
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu